

Số: 1781/HH-TM
V/v yêu cầu cung cấp báo giá thuốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp thuốc

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương trân trọng cảm ơn Quý đơn vị đã hợp tác với Viện trong thời gian qua.

Hiện nay Viện đang thực hiện lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tại Nhà thuốc bệnh viện lần 2 năm 2026 gói thầu Thuốc Generic. Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá cho các danh mục thuốc tại Phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

1. Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
2. Thời hạn nhận báo giá: Hạn cuối nhận báo giá là ngày 02/10/2026 (tính theo ngày gửi báo giá qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia)
3. Yêu cầu báo giá:
 - Về giá: Giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển và giao hàng.
 - Về hiệu lực báo giá: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày 02/10/2026.
 - Về danh mục thuốc và tiêu chí kỹ thuật: Nhà cung cấp tham khảo tại Phụ lục đính kèm.
4. Hình thức tiếp nhận báo giá: Nhà cung cấp gửi báo giá kèm đăng ký kinh doanh đồng thời trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và gửi trực tiếp (có đóng dấu nhà cung cấp) tại Khoa Dược (tầng 2, Nhà H) hoặc phòng Văn thư (tầng 1, Nhà H), Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương (Số 5 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội).
5. Cần tìm hiểu thêm thông tin xin liên hệ: DSCKII. Nguyễn Duy Tân (SĐT: 0988061319).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Truyền thông, Website của Viện;
- Lưu: VT, KD. Tân (3b)


NGUYỄN HÀ THANH

PHỤ LỤC. DANH SÁCH CÁC THUỐC XIN BẢO GIÁ
(Kèm theo công văn số 1781/HH-TM ngày 22 tháng 9 năm 2026)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
Gói thầu thuốc Generic							
1	Acalabrutinib	1	100mg	Uống	Viên	Viên	3.600
2	Almagat	2	1,5g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	7.000
3	Ammonium glycyrrhizinate + Glycine + DL-Methionine	4	35mg + 25mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	25.000
4	Arginin aspartat	4	1g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	80.000
5	Brentuximab Vedotin	1	50 mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	60
6	Calci carbonat + Vitamin D3	2	Calci nguyên tố 600mg, 400IU	Uống	Viên	Viên	40.000
7	Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline); Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline); Vitamin D3; Vitamin K1	1	120mg; 55mg; 2mcg; 8mcg	Uống	Viên nang	Viên	500.000
8	Cefprozil	1	500mg	Uống	Viên	Viên	6.000
9	Ciclosporin	1	100mg	Uống	Viên nang	Viên	5.000
10	Cytarabine	1	500mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	6.000
11	Daratumumab	5	400mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	120
12	Daratumumab	5	100mg	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	120
13	Deflazacort	1	6 mg	Uống	Viên	Viên	15.000
14	Febuxostat	1	120mg	Uống	Viên	Viên	13.000
15	Gilteritinib	5	40mg	Uống	Viên	Viên	1.000
16	Albumin	2	10g	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	250
17	Hydroxyurea	2	500mg	Uống	Viên nang	Viên	200.000
18	Isavuconazole	1	100mg	Uống	Viên nang	Viên	600
19	Kali clorid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	9.000
20	Lansoprazole	1	30mg	Uống	Viên nang	Viên	90.000
21	L-Arginin L-glutamat	4	3g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	200.000
22	Lenalidomid	2	10mg	Uống	Viên nang	Viên	6.000
23	L-Histidin hydrochlorid monohydrat + L-Isoleucin + L-Leucin + L-Lysin HCL + L-Methionin + L-Phenylalanin + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valin	4	216,2mg + 203,9mg + 320,3mg + 291mg + 320,3mg + 320,3mg + 145,7mg + 72,9mg + 233mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	12.000
24	L-ornithin L-aspartate	1	5g	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	3.000
25	Micafungin natri	1	50mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	200
26	Omeprazol + Natri hydrocarbonat	4	40mg + 1680mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	100.000
27	Pegaspargase	5	3750 IU	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/túi	30
28	Posaconazol	5	4,2g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	150
29	Phospholipid đậu nành	5	600mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000
30	Sắt (III) (dưới dạng iron (III) hydroxide polymaltose complex 34%)	4	Sắt nguyên tố 100mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	40.000
31	Sắt hydroxide polymaltose complex	2	Sắt nguyên tố 50mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	100.000
32	Sắt polysaccharide iron complex	1	Sắt nguyên tố 150mg	Uống	Viên nang	Viên	35.000
33	Silymarin	1	140mg	Uống	Viên nang	Viên	200.000
34	Silymarin	4	400mg	Uống	Viên	Viên	300.000
35	Thalidomid	2	50mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000
36	Thymomodulin	4	120mg	Uống	Viên nang	Viên	500.000
37	Thymomodulin	4	60mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	500.000
38	Ursodeoxycholic acid	4	250mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	50.000
39	Ursodeoxycholic acid	1	500mg	Uống	Viên	Viên	60.000

ÉT HỌC
NHÀU
GƯỜN

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
40	Vitamin C (Acid ascorbic) + Đồng (dưới dạng Cupric oxide) + Manganese (dưới dạng Manganese sulfate) + Selenium + Vitamin E (dưới dạng Tocopherol acetate) + Kẽm (dưới dạng Zinc oxide) + β -carotene	2	250mg + 1mg + 1,5mg + 15mcg + 200IU + 7,5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000
41	Vitamin C	4	100mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi	100.000
42	Voriconazol	5	200mg	Uống	Viên	Viên	1.500

Danh sách gồm 42 danh mục./.

3 1 m